TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Bùi Thúy Mở

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Xuân Y; ĐKHK: Thôn 5, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ 01, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T; Nơi cư trú: Thôn 5, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đinh Thị Xuân Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng vào ngày 23 tháng 10 năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T ở thôn 5, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình

chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên từ tháng 4 năm 2022 đến nay chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở tổ 01, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Từ khi chị bỏ đi đến nay, thỉnh thoảng anh T có đến nhà bố, mẹ chị nhưng chỉ là để thăm con, không có mục đích đoàn tụ vợ chồng, chị cũng không lần nào trở về đoàn tụ cùng anh T. Từ tháng 4 năm 2022 đến nay, chị và anh T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Châu N, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2021. Từ khi chị bỏ đi đến nay, con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 10 năm 2022, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của anh và chị Đinh Thị Xuân Y theo như lời khai chị Y đã khai là đúng. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Y đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị Y ở tổ 01, khu H, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh từ khoảng tháng 4 năm 2022 đến nay. Sau khi chị Y bỏ đi, anh có đến tìm và xin lỗi chị Y để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị Y không đồng ý, anh và chị Y sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Y xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Y có một con chung theo như chị Đinh Thị Xuân Y đã khai là đúng, hiện tại con chung do chị Y nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị Y ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng vì con chung còn nhỏ. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Đinh Thị Xuân Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Giao con chung Nguyễn Châu N, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2021 cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đinh Thị Xuân Y có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T hiện đang cư trú tại thôn 5, xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T1, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23 tháng 10 năm 2020, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, hai bên đã cư trú mỗi người một nơi từ tháng 4 năm 2022 đến nay không quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị Xuân Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Châu N, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2021, hiện tại con chung do chị Y nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Y và anh T đều là công nhân nên chị Y và anh T đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Con chung Nguyễn Châu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Chị Y và anh T đều có ý kiến đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng, nên chấp nhận ý kiến của chị Y và anh T, giao con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo quyền lợi cho con chung.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị Xuân Y là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Xuân Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Châu N, sinh ngày 22 tháng 4 năm 2021 cho chị Đinh Thị Xuân Y tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Đinh Thị Xuân Y và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị Xuân Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền số 8194 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Đinh Thị Xuân Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H Thủy Nguyên;
- UBND xã L, huyện T1, HP (ĐKKH ngày 23 tháng 10 năm 2020);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế